

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG SẢN XUẤT VÀ CHÍNH SÁCH XUẤT NHẬP KHẨU GẠO CỦA ĐÀI LOAN NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

1. Chính sách xuất nhập gạo của Đài Loan

- Về quan thuế và hạn ngạch nhập khẩu

Đài Loan do vị thế chính trị bất bình nên từ khi chính quyền Quốc dân đảng chuyển về đây(1949) các vấn đề liên quan tới nông nghiệp, nông dân luôn là một trong những vấn đề được coi trọng, đặc biệt là vấn đề liên quan chặt chẽ tới an sinh xã hội như mặt hàng gạo.

Trước khi Đài Loan gia nhập WTO (2001), chính quyền Đài Loan không mở cửa để nhập khẩu gạo cho doanh nghiệp tư nhân (dân gian), tất cả các giao dịch mặt hàng này gần như đều do Chính phủ kiểm soát. Và mặc dù diện tích canh tác trên đảo khá hạn chế, song với việc buộc phải tự túc tự cấp trong thời gian dài nên ngành nông nghiệp được chú trọng đã phát triển đến trình độ tiên tiến, lượng lương thực đáp ứng nhu cầu của cư dân trên đảo luôn được sản xuất nội địa đảm bảo điều tiết. Tuy nhiên, để thực hiện các cam kết gia nhập WTO, Đài Loan đã buộc phải mở cửa thị trường để cho phép nhập khẩu gạo, song việc nhập khẩu vẫn được kiểm soát quản lý chặt chẽ bằng quota hạn ngạch cũng như đánh thuế nhập khẩu cao.

Theo đó, Đài Loan cam kết hàng năm nhập khẩu gạo với lượng quota cho phép là 144.720 tấn gạo (tương đương với 8% lượng tiêu thụ gạo bình quân của 2 năm từ 1990-1992 của Đài Loan), trong đó 65% lượng quota trên do Chính phủ nhập khẩu (tương đương 94.068 tấn), lượng 35% còn lại (tức 50.652 tấn) do doanh nghiệp tư nhân dân gian nhập khẩu. Lượng quota nhập khẩu cam kết này có mức thuế nhập khẩu ưu đãi là 0% đối với gạo và từ 10-25% đối với các chế phẩm từ gạo. Số 35% lượng quota cam kết mở cửa thị trường (tức 50.652 tấn gạo) do doanh nghiệp dân gian nhập khẩu được tiến hành theo phương thức đăng ký song lại chịu áp thêm giá (tức quyền mua, quyền nhập khẩu). Theo đó, hàng năm doanh nghiệp tiến hành đăng ký với Chính phủ để nhập khẩu gạo, và theo hình thức đăng ký trước được duyệt trước song mỗi 1kg gạo doanh nghiệp phải nộp cho Chính phủ 23,26 NT\$ⁱ và mỗi 1kg các chế phẩm từ gạo, doanh nghiệp phải nộp cho Chính phủ 25,59NT\$ để có được “quyền

ⁱ Tỷ giá 1 NT\$ tương đương khoảng 728 VNĐ

mua, quyền nhập khẩu gạo”ⁱⁱ. Nếu lượng quota theo quy định mà doanh nghiệp không đăng ký mua hết, trong vòng 2 tuần, Chính phủ sẽ giảm 3NT\$ cho mỗi kg và thông báo để doanh nghiệp tiếp tục đăng ký nhập, và tuần tự giảm như thế cho đến khi nhập đủ lượng quota cam kết.

Ngoài lượng quota cam kết cho phép nhập khẩu với thuế nhập khẩu ưu đãi ra, doanh nghiệp tư nhân dân gian có thể nhập khẩu gạo tự do song bị áp với mức thuế nhập khẩu rất cao. Theo biểu thuế xuất nhập khẩu của Đài Loan năm 2013, với mỗi 1kg gạo nhập khẩu không nằm trong quota cam kết, doanh nghiệp nhập khẩu phải nộp 45NT\$ tiền thuế, và với 1kg các chế phẩm từ gạo doanh nghiệp phải nộp 49NT\$ tiền thuế. Mức thuế này là mức thuế đặc thù, được áp dụng cho tất cả các đối tác thương mại của Đài Loan và không hề có bất cứ ưu đãi nào cho đối tác nào trong 3 cột phân chia của biểu thuếⁱⁱⁱ. Đây có thể coi là một sự bảo hộ cao độ của Đài Loan với mặt hàng này, bởi trên thực tế, theo điều tra thị trường hiện nay, giá gạo phổ biến bán tại các hệ thống siêu thị của Đài Loan dao động ở mức 41~45NT\$/kg tùy loại gạo.

- *Về biện pháp quản lý xuất khẩu*

Nhằm quản lý chặt chẽ việc xuất khẩu gạo tránh tác động đến đời sống dân sinh và an ninh lương thực, Đài Loan tiến hành biện pháp quản lý xuất khẩu gạo bằng các điều kiện khá nghiêm ngặt.

Theo đó, bắt đầu từ ngày 29 tháng 4 năm 2008, các doanh nghiệp Đài Loan muốn xuất khẩu gạo từ 5 tấn trở lên phải đáp ứng các 4 yêu cầu dưới đây:

(1) Doanh nghiệp xuất khẩu phải cung cấp được thông tin chi tiết về đơn vị cung cấp và sản lượng của nguồn hàng nội địa cần xuất khẩu, và có thể kiểm tra bất kỳ lúc nào về nguồn gốc hàng xuất này;

(2) Giá FOB xuất khẩu mỗi tấn gạo phải đạt trên 1200\$ trở lên;

ⁱⁱ Theo nghiên cứu “**Chính sách gạo của Đài Loan và sự điều chỉnh**” của Cục Nông Lương Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan (có sự tham gia của các học giả đến từ Đại học Trung Hưng Đài Loan, Đại học Đài Loan, Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương Đài Loan) năm 2002, giá thành sản xuất gạo của Đài Loan đạt 18,08NT\$/kg trong khi giá FOB nhập khẩu gạo từ Thái Lan chỉ đạt 6NT\$, do đó việc áp giá, thêm tiền để có quyền nhập khẩu chính là để thu hẹp khoảng cách này, bảo vệ gạo nội địa của Đài Loan.

ⁱⁱⁱ 3 đối tượng được phân chia trong biểu thuế nhập khẩu của Đài Loan bao gồm: Khối các nước và khu vực được hưởng MFN, Khối các nước và khu vực đã ký FTA/ HĐ Thương mại với Đài Loan, và Khối các nước và khu vực khác

(3) Lượng xuất không được vượt quá 5% tổng sản lượng của vụ thu hoạch của năm đó;

(4) Phải có được giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm được cơ quan nhà nước hoặc cơ quan được ủy quyền, tổ chức quốc tế cấp phát.

Trong vòng 2 tuần sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ của doanh nghiệp, Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan sẽ xem xét và cấp phát Giấy phép xuất khẩu^{iv}.

2. Thực trạng sản xuất lúa gạo của Đài Loan

- Về diện tích canh tác

Theo thống kê của Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan, tổng số diện tích đất canh tác trồng lúa của Đài Loan trước khi gia nhập WTO là khoảng 332.183 ha. Để đảm bảo lợi ích của người trồng lúa trước tác động của việc mở cửa thị trường, Chính phủ Đài Loan đã đưa ra quy hoạch về vùng sản xuất và diện tích canh tác cũng như chính sách “hưu canh” luân phiên cho đất nghỉ^v.

Theo đó, quy hoạch về diện tích canh tác trồng lúa của Đài Loan được thu hẹp để sản lượng sản xuất nội địa không bị mất giá khi cạnh tranh với hàng nhập khẩu. Và tính đến thời điểm thống kê năm 2011 diện tích quy hoạch này vào khoảng 254.291 ha, trong đó diện tích lúa vụ chiêm (thu hoạch trong tháng 2 hàng năm) là 153.407 ha và diện tích lúa vụ mùa (thu hoạch trong tháng 6,7 hàng năm) là 100.884 ha (chi tiết xem thêm bảng 1 Thống kê tình hình sản xuất lúa gạo của Đài Loan).

Ngoài ra, bắt đầu từ năm 1997, Đài Loan thực hiện chính sách “hưu canh” luân phiên cho đất nghỉ, nhằm tạo độ màu mỡ tránh bạc hóa cho đất trồng. Theo đó, hàng năm Chính phủ quy hoạch khoảng 20% tổng diện tích đất canh tác cây trồng được “hưu canh”, người nông dân sẽ được Chính phủ hỗ trợ từ 30.000-40.000NT\$ cho 1 ha đất nghỉ/2 vụ lúa tùy loại đất để đất xới hơn màu mỡ hơn thuận lợi cho vụ canh tác năm sau cũng như không để số diện tích trồng quá lớn tạo đột biến về sản lượng tác động mạnh đến giá thành của gạo nội địa^{vi}.

^{iv} Theo báo cáo “**Hiện trạng cung cầu lương thực của Đài Loan và các biện pháp chính sách đảm bảo an toàn lương thực**” của tác giả Hoàng Quỳnh Dao, Du Thắng Phong Cục Nông Lương, Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan.

^v Đất được cày xới, bón phân (hữu cơ) và sau khi trừ sâu không trồng cây gì để đất nghỉ trong 2 vụ.

^{vi} Với sự hỗ trợ này, người nông dân không mạo hiểm gì vẫn được Chính phủ trợ cấp 1 khoản nhất định để duy trì thu nhập và đi đúng định hướng ổn định thị trường của Chính phủ.

Bảng 1 Thống kê tình hình sản xuất lúa gạo của Đài Loan

Giai đoạn năm 2001-2011

Năm	Tổng diện tích đất trồng (ha)			Sản lượng mỗi ha(kg)		Tổng sản lượng(tấn)		
	Tổng	Vụ chiêm	Vụ mùa	Vụ chiêm	Vụ mùa	Tổng	Vụ chiêm	Vụ mùa
2001	332 183	188 588	143 595	4 762	3 484	1 396 274	897 808	498 466
2002	307 037	178 081	128 956	5 190	4 168	1 460 670	923 155	537 515
2003	272 128	161 184	110 944	5 338	4 308	1 338 287	860 332	477 955
2004	237 351	135 331	102 020	5 372	4 303	1 164 580	726 912	437 668
2005	269 120	158 483	110 637	4 988	3 593	1 187 596	790 340	397 256
2006	263 194	155 253	107 941	4 978	4 530	1 261 803	772 812	488 991
2007	260 159	155 461	104 698	5 039	3 008	1 098 268	783 413	314 855
2008	252 321	148 350	103 971	5 526	3 448	1 178 178	819 744	358 434
2009	255 415	151 733	103 682	5 635	4 104	1 276 534	852 821	423 713
2010	243 881	139 954	103 927	5 539	3 780	1 167 973	775 135	392 838
2011	254 291	153 407	100 884	5 873	4 431	1 347 767	900 898	446 869

Nguồn: Cục Nông Lương, Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan.

- Về sản lượng

Với các cam kết chặt chẽ và các biện pháp hỗ trợ tích cực từ Chính phủ, sản lượng lúa gạo sản xuất của Đài Loan trong hơn 10 năm trở lại đây luôn đạt ở mức ổn định từ 1,1-1,4 triệu tấn. Theo thống kê của Cục Nông Lương, Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan, lượng nhập khẩu gạo của Đài Loan kể từ khi mở cửa thị trường đến nay gần như lượng gạo nhập về không vượt quá nhiều so với lượng quota cho phép (chỉ có năm 2004 và năm 2010 vượt qua mức này). Ở chiều ngược lại lượng xuất khẩu gạo của Đài Loan cũng tương đối nhỏ giọt, với lượng mức không đáng kể, chỉ có duy nhất năm 2008 có sự đột biến về số lượng, song cũng chỉ đạt hơn 33 ngàn tấn (chi tiết xem thêm Bảng 2, Thống kê tình hình xuất nhập khẩu gạo của Đài Loan).

Bảng 2 Thống kê tình hình xuất nhập khẩu gạo của Đài Loan

Giai đoạn 2001 -2011

Năm	Nhập khẩu		Xuất khẩu	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Tấn	Ngàn USD	Tấn	Ngàn USD

2001	5 529	1 720	156 000	19 552
2002	103 567	30 341	94 000	11 803
2003	147 717	49 546	28	21
2004	171 786	61 139	43	38
2005	66 860	24 918	345	312
2006	108 815	49 177	423	466
2007	137 105	65 819	310	384
2008	102 652	58 342	33 855	41 393
2009	86 583	52 349	1 017	1 443
2010	154 570	106 369	1 459	2 312
2011	111 636	83 355	1 889	3 268

Nguồn: Cục Nông Lương, Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan.

- Về tình hình sản xuất lúa gạo vụ Xuân 2013

Theo báo cáo tình hình sản xuất lương thực tháng 7 năm 2013 của Cục Nông lương, Ủy ban Nông nghiệp Đài Loan (AFA), tổng diện tích gieo trồng lúa vụ chiêm Xuân năm 2013, đạt 163.480 ha, giảm 1105 ha (-0,68%) diện tích gieo trồng so với dự kiến trước đó. Tuy nhiên diện tích này so với diện tích 156.685 ha của năm 2012 đã tăng 5690 ha (tức +3,63%). Về sản lượng, theo thống kê mỗi 1ha lúa gạo trong vụ chiêm Xuân 2013 bình quân đạt 6.352 kg/ha, so với sản lượng bình quân 6864kg của vụ Xuân năm 2012 giảm 512kg (- 7,46%)/ha. Tổng sản lượng ước đạt 1.048.209 tấn, so với sản lượng 1.075.333 tấn của năm 2012 giảm 27.124 tấn (- 2,52%).

- Về tình hình sản xuất lúa gạo vụ mùa 2013

Theo báo cáo tình hình sản xuất lương thực tháng 12 của AFA, tổng diện tích gieo trồng vụ mùa của Đài Loan năm 2013 đạt 107.378 ha, so với diện tích kế hoạch dự kiến 104.520 ha tăng 2.858 ha (+2.73%) và so với diện tích 104.103ha của vụ Mùa năm 2012 tăng 3.275ha (+3.15%). Tổng sản lượng lúa thu hoạch vụ Mùa năm 2013 đạt 442.596 tấn, giảm 58.203 tấn (-11.62%) so với cùng kỳ năm 2012 nhưng tăng 53.794 (+13.84%) so với kế hoạch dự kiến.

- Về tình hình nhập khẩu gạo của Đài Loan 2012-2013

Theo thống kê mới nhất của Cục Thương mại Quốc tế, Bộ Kinh tế Đà Loan, năm 2013 Đà Loan tổng cộng đã nhập khẩu 117.865.000 kg gạo, giảm 11,96 % so với năm 2012, và chỉ đạt 81.44% tổng mức quota mà Đà Loan cam kết cho phép nhập khẩu với thuế suất 0% (tức còn 18,56% tương đương 26,85 tấn lượng quota cho phép chưa sử dụng hết). Trong đó, lượng gạo được Đà Loan nhập nhiều nhất lần lượt là từ Mỹ (62,16 tấn; 52,74% tổng lượng nhập), Việt Nam (22,79 tấn; 19,34% tổng lượng nhập); Thái Lan (13,61 tấn; 11,55% tổng lượng nhập), Úc (11,034 tấn; 9,36% tổng lượng nhập); Campuchia (2,21 tấn; 1,87% tổng lượng nhập).

**Bảng 3 Thống kê lượng XNK gạo (HS 1006) của Đà Loan
2012-2013**

Stt	Quốc gia	Trọng lượng (kg)		
		2012	2013	Tăng/giảm(%)
	Global-Country	133,881,000	117,865,000	-11.963
1	UNITED STATES	78,045,000	62,167,000	-20.345
2	VIET NAM	26,311,000	22,798,000	-13.352
3	THAILAND	11,769,000	13,618,000	15.711
4	AUSTRALIA	13,398,000	11,034,000	-17.644
5	CAMBODIA	142,000	2,213,000	1,458.45
6	EGYPT	---	2,174,000	---
7	MYANMAR	740,000	1,861,000	151.486
8	PAKISTAN	0	994,000	100
9	INDIA	2,747,000	560,000	-79.614
10	JAPAN	162,000	179,000	10.494
11	MALAYSIA	---	120,000	---
12	ITALY	54,000	75,000	38.889
13	INDONESIA	---	72,000	---
14	UNITED KINGDOM	---	0	---
15	SPAIN	0	0	0
16	FRANCE	0	0	0
17	UAE	0	---	---
18	S. KOREA	1,000	---	---

19	OTHER	12,000	---	---
20	URUGUAY	500,000	---	---

Nguồn: Cục Thương mại Quốc tế, Bộ Kinh tế Đài Loan

Về giá trị, tổng kim ngạch nhập khẩu gạo của Đài Loan năm 2013 đạt 77,56 triệu USD giảm 11,37% so với cùng kỳ năm 2012. Nếu tính theo đối tác, kim ngạch Đài Loan nhập khẩu gạo từ Mỹ nhiều nhất đạt 41,59 triệu USD, giảm 20,01%; tiếp đến là Việt Nam 12,87 triệu USD, giảm 12,9%; Thái Lan 9,92 triệu USD, tăng 11,49%; Úc 7,2 triệu USD, giảm 21,78%; Campuchia 1,95 triệu USD tăng đột biến 2240,41%.

Bảng 4 Thông kê kim ngạch XNK gạo (HS 1006) của Đài Loan

2012-2013

Stt	Quốc gia	Kim ngạch (USD)		
		2012	2013	Tăng/giảm(%)
	Global-Country	87,513,870	77,562,653	-11.371
1	UNITED STATES	52,001,726	41,595,614	-20.011
2	VIET NAM	14,779,657	12,873,347	-12.898
3	THAILAND	8,899,904	9,922,663	11.492
4	AUSTRALIA	9,211,026	7,204,760	-21.781
5	CAMBODIA	83,688	1,958,642	2,240.41
6	EGYPT	---	1,535,679	---
7	MYANMAR	307,857	791,835	157.209
8	PAKISTAN	168	439,736	261,647.62
9	INDIA	1,178,242	293,646	-75.078
10	JAPAN	606,763	638,824	5.284
11	MALAYSIA	---	53,076	---
12	ITALY	135,771	186,552	37.402
13	INDONESIA	---	64,749	---
14	UNITED KINGDOM	---	535	---
15	SPAIN	34	1,783	5,144.12
16	FRANCE	67	1,212	1,708.96
17	UAE	132	---	---

18	S. KOREA	1,343	---	---
19	OTHER	17,039	---	---
20	URUGUAY	290,453	---	---

Nguồn: Cục Thương mại Quốc tế, Bộ Kinh tế Đài Loan

Như vậy, năm 2013, lượng gạo của Đài Loan có sự thay mới rõ rệt từ sự tăng trưởng nhập khẩu đột phá đến từ các đối tác mới là Campuchia, Tây Ban Nha, Pháp và Pakistan trong khi đào thải 3 đối tác là Hàn Quốc, UEA và Uruguay, song cơ cấu nhập khẩu chủ yếu vẫn đến từ 3 đối tác chính là Mỹ, Việt Nam và Thái Lan./.

VIETNAM TRADE OFFICE IN TAI